

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 07 /2019/HNGĐ -ST

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

" V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Hồng Hà ;

2. Ông Nguyễn Quang Miên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa:
Bà Tổng Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/2018/TLST- HN&GD ngày 14 tháng 12 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 21 tháng 01 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 01/2019/QĐ- CA ngày 21 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1983, có mặt.

ĐKKHKT: Thôn Q, xã XG, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Nơi cư trú: Thôn N, TT LC, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn BP, xã NL, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Văn L sinh năm 1965, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn BP, xã NL, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

+ Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1954. vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã XG, huyện Quang Bình (Bắc Quang), tỉnh Hà Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 12 năm 2018 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị D trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị D và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã NL, huyện CG, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/01/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng về quê chị D tại Hà Giang sinh sống, đến năm 2016 thì anh T về Ngọc Liên làm ăn sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh T, chị về làm công nhân tại Công ty Giấy Hải Nam và thuê chỗ ở riêng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do năm 2014 chị phát hiện anh T chơi bời dẫn đến nợ nần, chị và gia đình có khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tin tưởng lẫn nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Vợ chồng sống ly thân từ khoảng đầu năm 2016 đến nay, không quan tâm đến nhau, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị D xin ly hôn anh T.

- *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn T K D sinh ngày 31/01/2005. Từ nhỏ đến nay con sống cùng chị và ông bà ngoại tại Hà Giang. Chị D xin nuôi con, tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

- *Về quan hệ tài sản, công sức, nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn (anh T) trình bày:

- Anh T không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản của Tòa án cho anh T nhận đầy đủ, đó là nhờ bố đẻ anh T đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Ngày 18/01/2019 anh T trao đổi điện thoại với Tòa án, anh T xác nhận đã nhận đầy đủ các văn bản của Tòa án giao cho anh như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải...nhưng anh không đến làm việc với Tòa án, vì khi nhận được văn bản của Tòa án anh đã chủ động liên lạc với chị D để bày tỏ quan điểm của mình. Anh T xác định anh và chị D kết hôn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Ngọc Liên vào năm 2004, anh T thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần, anh về bố mẹ đẻ tại Ngọc Liên sinh sống, chị D không về chung sống cùng anh nên vợ chồng đã sống ly thân hơn hai năm, không quan tâm đến

nhau, anh biết chị D làm tại Công ty giấy Hải Nam tại thị trấn Lai Cách nhưng anh không đến công ty để tìm chị D về đoàn tụ vì chị D kiên quyết không về chung sống cùng anh, chị D thường xuyên tránh mặt anh, mặc dù làm gần nhà anh nhưng ngày lễ tết hay gia đình có công việc hiếu hỉ... chị D không qua lại gia đình anh, vì thương con còn nhỏ nên anh không nhất trí ly hôn, trường hợp chị D kiên quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn TKD, sinh ngày 31/01/2005, từ nhỏ con sống cùng chị D và ông bà ngoại tại Hà Giang, nếu ly hôn mà Tòa án giao con cho anh nuôi anh sẽ đón con về Cẩm Giàng, sinh sống và học tập.

- Về tài sản chung, nợ, công sức chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

Cháu D xin ở với mẹ.

Xác minh tại UBND xã Ngọc Liên cung cấp: Anh T chị D thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Liên vào 27/01/2004, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại quê chị D ở Hà Giang, đến năm 2016 anh T về sinh sống cùng gia đình bố đẻ là ông L tại thôn Bình Phiên, xã Ngọc Liên, chị D và con chung không về sống chung cùng anh T. Nay, chị D xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần đảm bảo tốt nhất quyền lợi của con chưa thành niên.

Bố đẻ anh T là ông Nguyễn Văn L và mẹ đẻ chị D là bà Hoàng Thị M đều trình bày: Anh T, chị D tự nguyện kết hôn vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình bà M ở Hà Giang anh T là người chơi bời không chịu làm ăn, đến năm 2016 anh T bị tai nạn gia đình bà M đã tìm mọi biện pháp chữa trị nhưng vẫn để lại di chứng, năm 2016 anh T về sống cùng gia đình ông L tại thôn Bình Phiên, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng. Chị D không về sống chung cùng chồng, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau từ đó đến nay. Nay chị D xin ly hôn, ông L, bà M đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn TKD, từ nhỏ đến nay cháu TKD sống cùng gia đình bà M, trường học của cháu gần nhà bà, gia đình có đủ điều kiện về chỗ ở cho mẹ con chị D sinh sống, đề nghị Tòa án giao con cho chị D nuôi dưỡng để đảm bảo cho cháu ổn định và cuộc sống tốt hơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn (chị D) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn (anh T) vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Đại diện VKSND huyện Cẩm Giàng phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vi phạm khoản 16 Điều 70 BLTTDS

* Hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị D ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn **TKD**, sinh ngày 31/01/2005 cho chị D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên, chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng (viết tắt BLTTDS).

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương ngày 27/01/2004 là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng nhau chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình, không tin tưởng lẫn nhau, anh T chơi bời không cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình, kinh tế khó khăn, mặc dù anh T sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn Bình Phiên, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng; chị D làm tại Cẩm Giàng nhưng không về chung

sống cùng anh T. Vợ chồng không chung sống với nhau từ cuối năm 2016 đến nay, không quan tâm đến nhau, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Anh T không nhất trí ly hôn nhưng khi Tòa án tiến hành hòa giải, anh T không có mặt và không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) nhận thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[3]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn TKD, sinh ngày 31/01/2005, hiện cháu TKD sống cùng chị D và bố mẹ chị D tại Hà Giang, từ nhỏ đã quen môi trường sống và học tập tại gia đình ông bà ngoại, có cuộc sống ổn định. Chị D làm công nhân, thu nhập ổn định từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ/ tháng. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nhằm ổn định, tránh xáo trộn, HĐXX cần giao cho chị D tiếp tục nuôi con, chị D tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con, sự tự nguyện của chị D phù hợp pháp luật, HĐXX chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ, công sức chung: Không phải giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm Hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTTDS. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị D ly hôn anh Nguyễn Văn T.
2. Về nuôi con: Giao cho chị Hoàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn TKD, sinh ngày 31/01/2005 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ, công sức chung: Không phải giải quyết.
4. Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo

biên lai số AA/2017/0002343 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng. Chị D đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Tập có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- UBND xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Lưu hồ sơ vụ án; Văn phòng TAND huyện Cẩm Giàng..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị My